

TÒA ÁN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TỈNH NINH THUẬN

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 30/2023/DS-PT

Ngày: 17 - 5 - 2023

V/v: Tranh chấp quyền sử dụng đất

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Ngô Thị Trang**;

Các Thẩm phán:

Ông Cao Thiện Vinh;

Bà Trần Thị Diệu.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Bùi Thị Hoàng Xuân** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Thuận tham gia phiên tòa:
Bà **Huỳnh Thị Hồng Yến** - Kiểm sát viên trung cấp.

Vào các ngày 10, 17/5/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 57/2021/TLPT-DS ngày 06 tháng 12 năm 2021 về việc: “*Tranh chấp quyền sử dụng đất; Đòi lại tài sản do chiếm hữu, sử dụng tài sản, được lợi về tài sản không có căn cứ pháp luật*”

Do bản án dân sự sơ thẩm số 28/2021/DS-ST ngày 19 tháng 10 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 29/2023/QĐ-PT ngày 07/4/2023; Thông báo về việc thay đổi thời gian mở phiên tòa số 03/TB-TA ngày 17/4/2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Võ Tấn T1**, sinh năm 1963 (Có mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông **Võ Tấn T2**, sinh năm 1987 (Có mặt).

Cùng địa chỉ: Thôn P, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận;

2. Bị đơn:

2.1. Ông **Võ Tấn D**, sinh năm 1972 (Có mặt);

2.2. Ông **Võ Tấn A**, sinh năm 1968 (Có mặt);

Cùng địa chỉ: Thôn P, xã P, huyện P, tỉnh Ninh Thuận;

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Bà **Nguyễn Thị Dạ L**, sinh năm 1968 (Vắng mặt).

3.2. Ông **Võ Tấn N**, sinh năm 1989 (Vắng mặt).

3.3. Ông **Võ Tấn T3**, sinh năm 1992 (Vắng mặt).

3.4. Ông **Võ Tấn T2**, sinh năm 1987 (Vắng mặt).

3.5. Bà **Võ Nguyễn Hồng T**, sinh năm 1998 (Vắng mặt).

3.6. Bà **Trần Thị Bạch T**, sinh năm 1970 (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Thôn P, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận;

4. *Người làm chứng:*

4.1. Bà **Võ Thị B**, sinh năm 1952 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn N, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

4.2. Bà **Võ Thị L1**, sinh năm 1956 (Có mặt)

Địa chỉ: Thôn T, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

4.3. Bà **Võ Thị L2**, sinh năm 1965 (Vắng mặt).

4.4. Bà **Võ Thị L3**, sinh năm 1970 (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Thôn P, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận; 5. *Người kháng cáo:*

5.1. Ông Võ Tấn T1 là nguyên đơn;

5.2. Ông Võ Tấn A, ông Võ Tấn D là bị đơn;

5.3. Bà Trần Thị Bạch T là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

6. *Viện Kiểm sát kháng nghị:* Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Phước;

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn ông Võ Tấn T1 trình bày:

Nguồn gốc thửa đất số 01, tờ bản đồ 13d, xã Phước Thuận do Hợp tác xã giao khoán cho hộ gia đình ông vào năm 1989. Tại thời điểm giao khoán hộ gia

đình ông gồm có 04 nhân khẩu gồm: Võ Tấn T1, Nguyễn Thị Dạ L (vợ) sinh năm: 1968; Võ Tấn T2 (con) sinh năm: 1987; Võ Tấn N (con) sinh năm: 1989; hiện đang quy chủ tên ông. Sau khi được cấp đất năm 1992, ông có xây dựng nhà trên phần diện tích 310m², thời điểm xây nhà ngôi, vách đất để gia đình ở. Ngôi nhà này vào năm 1999 thì bị sập và hiện trạng hiện nay không còn, sau đó ông có xây nhà trên rẫy để ở cho đến nay.

Vào năm 2015 trong thời gian ông đi làm ăn xa không có ở địa phương thì ông Võ Tấn D có xây nhà trên thửa đất số 02 nhưng sân và mái che nhà ông D thì lấn sang phần đất thửa đất số 01, tờ bản đồ số 13d, xã Phước Thuận (Thửa đất ông được HTX giao khoán), ông có làm đơn ngăn chặn và trình báo Ủy ban thôn nhưng hòa giải không thành do đó ông làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: buộc ông Võ Tấn D, ông Võ Tấn A giao trả toàn bộ diện tích 310m², thuộc thửa số 01, tờ bản đồ số 13d cho ông, nếu ông D đã xây nhà trên đất của ông bao nhiêu thì ông D phải bồi thường lại bằng tiền về giá trị đất cho ông; ông D cất nhà lấn chiếm thì ông D được quyền sử dụng hợp pháp; Còn ông A giao trả lại đất cho ông.

Bị đơn ông Võ Tấn D trình bày:

Về nguồn gốc đất tranh chấp: Nguyên cha mẹ ông là Võ Tấn N (sinh năm 1929 - Chết năm 1983), Trần Thị M (sinh năm 1929 - chết năm 2011) có tạo lập một lô đất có diện tích khoảng 1.800m² đất vườn do nhận chuyển nhượng của ông Lê Văn C (đã chết). Nhận chuyển nhượng năm nào ông không nhớ nhưng trước giải phóng.

Sau khi cha mẹ ông nhận chuyển nhượng thì mẹ ông có canh tác đất được một thời gian sau đó đến năm 1996, mẹ ông có gọi các anh chị em trong gia đình lại để phân chia đất, cụ thể mẹ ông phân chia lô đất 1.800m² cho ba người con trai còn các chị em gái do theo nhà chồng nên không được chia đất. Mẹ ông chia cho ông T1 diện tích đất 560m², chia cho ông A 480m² và ông 529m² nay phần đất ông được phân chia tương ứng thửa số 02, tờ bản đồ số 13d, xã Phước Thuận. Thửa đất này ông đã được mẹ phân chia năm 1996 sau đó đến ngày 31/7/2009 mẹ ông lập hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất cho ông thửa đất này có chứng thực của Ủy ban nhân dân xã Phước Thuận. Ngày 27/10/2009 ông được Ủy ban nhân dân huyện Ninh Phước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với thửa đất số 02. Trên thửa đất số 02 có một căn nhà từ đường mẹ ông sống cùng ông ở đây sau đó thì năm 2014 thì ông xây thêm một căn nhà cấp 4, quá trình ông xây dựng nhà ông T1 có mặt ở địa phương và không có ai ngăn cản. Ông xây nhà từ phần đất giáp đường vào thửa đất số 02. Phần đất còn lại mẹ ông cho ông T1 và ông A sử dụng ổn định.

Đến năm 2019 thì ông T1 mới xảy ra tranh chấp. Việc ông T1 cho rằng phần đất ông xây nhà là đất của hợp tác xã giao cho hộ gia đình ông T là không có cơ sở vì đất này ông khẳng định là đất mẹ ông để lại và phân chia cho các anh em. Những

chị gái đều biết và không có ý kiến gì. Đất ông xây nhà ở hiện nay là của mẹ ông, bà Trần Thị M cho lúc còn sống, khi cho nói miệng không làm giấy, nay ông T1 cho rằng đất của ông yêu cầu ông trả lại, ông không đồng ý trả; Ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Võ Tấn T.

Ông yêu cầu phản tố như sau: Yêu cầu chia thừa kế di sản của cha, mẹ để lại gồm: Thửa đất số 01, tờ bản đồ số 13c, diện tích 325m²; Thửa đất số 33, tờ bản đồ số 13a, diện tích 304m²; Thửa đất số 34, tờ bản đồ số 13a, diện tích 260m² hiện ông T đang quản lý và ông yêu cầu phản tố là để khấu trừ một phần nghĩa vụ có liên quan đến vụ án đang giải quyết.

Bị đơn ông Võ Tấn A trình bày:

Đất ông đang canh tác và xây nhà ở hiện nay là của mẹ ông là bà Trần Thị M cho lúc ông còn sống, khi cho nói miệng không làm giấy, nay ông T cho rằng đất của ông T1 và yêu cầu ông và ông D trả lại, ông và ông D không đồng ý trả; Ông A cho biết thửa đất đang tranh chấp hiện nay thuộc thửa số 01, tờ bản đồ số 13d, diện tích 310m² quy chủ tên ông T1.

Nguồn gốc đất tranh chấp thửa đất số 01, tờ bản đồ số 13d là do cha mẹ ông nhận chuyển nhượng của ông Lê Văn C (đã chết) từ trước giải phóng. Tổng diện tích nhận chuyển nhượng là 1.800m² trong đó bao gồm cả thửa đất số 01, tờ bản đồ số 13d. Sau khi cha mẹ ông nhận chuyển nhượng thì mẹ ông có canh tác đất được một thời gian sau đó đến năm 1996, mẹ ông có gọi các anh chị em trong gia đình lại để phân chia đất, cụ thể mẹ ông phân chia lô đất 1.800m² cho ba người con trai còn các chị em gái do theo nhà chồng nên không được chia đất. Mẹ ông chia cho ông T1 diện tích đất 560m², chia cho ông 480m² và ông D 529m², số thửa cụ thể ông không nhớ chính xác. Việc phân chia có làm giấy do ông là người viết. Sau khi được phân chia đất đến năm 2000 anh em đã phân định và sử dụng ổn định theo đúng ranh giới đã phân chia cho đến nay. Mẹ ông sau khi phân chia đất cho anh em trong gia đình thì sống ở nhà thờ trên thửa đất số 02, tờ bản đồ số 13d và sau đó mẹ ông đã tặng cho thửa đất này cho ông Võ Tấn D. Ông D cũng đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất này.

Sau khi được mẹ cho đất năm 2007 ông đã xây nhà cấp 4 chiều ngang 6m, dài 30m từ đầu thửa đất dài hết thửa đất được mẹ ông cho đất tại thửa đất được mẹ cho, căn nhà này hiện nay vẫn nguyên hiện trạng. Ông xây nhà trên toàn bộ phần đất mẹ cho ông. Lúc ông xây nhà thì ông T1 có ở địa phương biết nhưng không có ý kiến và không có ngăn cản gì. Còn trước năm 2007 thì ông ở trên rẫy đất ở Dới này ông cho các em ông mượn làm nho.

Ông sử dụng đất ổn định cho đến năm 2019 thì ông T1 mới xảy ra tranh chấp. Việc ông T1 cho rằng phần đất ông xây nhà là đất của hợp tác xã giao khoán

cho hộ gia đình ông T1 là không có cơ sở vì đất này ông khẳng định là đất mẹ ông để lại và phân chia cho các anh em. Những người con gái đều biết và đồng ý.

Do đó đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Võ Tấn T1 yêu cầu ông trả lại diện tích đất lấn chiếm thì ông không đồng ý.

Người có quyền lợi liên quan phía nguyên đơn (vợ và các con ông T1) trình bày:

Yêu cầu ông D, ông A phải giao trả diện tích đất lấn chiếm cho hộ gia đình ông T1.

Tại phần quyết định của bản án dân sự sơ thẩm số 28/2021/DS-ST ngày 19/10/2021 của Tòa án nhân dân huyện Ninh Phước đã quyết định:

Căn cứ Điều 579; Điều 580 Bộ luật dân sự 2015; Khoản 1 Điều 174; Khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Khoản 1 Điều 203; Khoản 2 Điều 206 Luật đất đai 2014, Nghị quyết 326/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

- Không chấp nhận yêu cầu dừng phiên tòa của Kiểm sát viên; Không chấp nhận yêu cầu dừng phiên tòa để triệu tập nhân chứng của người đại diện theo ủy quyền của bị đơn (ông D); Không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông D (bị đơn); Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; Không xem xét ông D nhận tiền bồi thường do mở đường 708 của diện tích 8,2m²; Ông A nhận tiền bồi thường do mở đường 708 của diện tích 1,8m² trên diện tích 310m² thuộc thửa số 01, tờ bản đồ số 13d vì ông T1 không yêu cầu giải quyết.

- Buộc ông Võ Tấn D, bà Trần Thị Bạch T phải tháo dỡ mái che có chiều rộng 1m, chiều dài 8m nằm phía Tây Dới mái vòm phía trước căn nhà ông D, bà T.

- Buộc ông Võ Tấn D, bà Trần Thị Bạch T phải bồi thường tiền đất cho ông Võ Tấn T số tiền 57.134.000 đồng (trị giá diện tích 107,8m² đất ông D, bà T làm mái lấn chiếm các vị trí 9,10,12,13,16).

- Buộc hộ ông Võ Tấn T1 phải giao cho cho ông Võ Tấn D, bà Trần Thị Bạch T được quyền sử dụng hợp pháp 01 thửa đất số 01, tờ bản đồ số 13d xã Phước Thuận từ các vị trí 9,10,12,13,16 có diện tích 107,8m² (phần ông D, bà T xây nhà, làm mái che).

- Hộ ông Võ Tấn D, bà Trần Thị Bạch T được quyền sử dụng hợp pháp 01 thửa đất số 01, tờ bản đồ số 13d, xã Phước Thuận từ các vị trí 9, 10, 12, 13, 16 có diện tích 107,8m² và gắn liền với tài sản trên đất do ông D, bà T xây dựng.

- Buộc ông Võ Tấn A phải giao cho trả cho hộ ông Võ Tấn T1 01 phần thửa đất số 01, tờ bản đồ số 13d, xã Phước Thuận từ các vị trí 3,4,6,7 có diện tích 60m².

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo và điều kiện thi hành án.

Ngày 01/11/2021, bị đơn ông Võ Tấn D, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Bạch T làm đơn kháng cáo: Kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 28/2021/DS-ST ngày 19/10/2021 của Tòa án nhân dân huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử theo hướng hủy toàn bộ bản án sơ thẩm do vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, chứng cứ giải quyết vụ án chưa đảm bảo để xét xử sơ thẩm lại theo thủ tục chung.

Ngày 02/11/2021 bị đơn ông Võ Tấn A làm đơn kháng cáo có nội dung: Kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 28/2021/DS-ST ngày 19/10/2021 của Tòa án nhân dân huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét hủy bản án sơ thẩm.

Ngày 02/11/2021 Nguyên đơn ông Võ Tấn T1 làm đơn kháng cáo có nội dung: Kháng cáo một phần bản án dân sự sơ thẩm số 28/2021/DS-ST ngày 19/10/2021 của Tòa án nhân dân huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận theo hướng: Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 28/2021/DS-ST ngày 19/10/2021 của Tòa án nhân dân huyện Ninh Phước buộc ông Võ Tấn D bà Trần Thị Bạch T phải bồi thường tiền đất cho ông theo giá trị chuyển nhượng thực tế tại địa phương.

Ngày 27/10/2021 Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Phước kháng nghị bản án dân sự sơ thẩm số 28/2021/DS-ST ngày 19/10/2021 của Tòa án nhân dân huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận: Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận hủy bản án dân sự sơ thẩm số 28/2021/DS-ST ngày 19/10/2021 của Tòa án nhân dân huyện Ninh Phước.

Tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự: không rút đơn khởi kiện, không rút đơn yêu cầu phản tố, vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

- Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn tranh luận: đề nghị được phải bồi thường tiền đất cho ông theo giá trị chuyển nhượng thực tế tại địa phương.

- Tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn tranh luận: đề nghị Hội đồng xét xử hủy án sơ thẩm.

- Tại phiên tòa phúc thẩm người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trần Thị Bạch T tranh luận: đề nghị Hội đồng xét xử hủy án sơ thẩm.

- *Tại phiên tòa phúc thẩm, kiểm sát viên phát biểu quan điểm giải quyết vụ án như sau:*

Về tố tụng: Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa, các thẩm phán, thư ký tham gia phiên tòa đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Do Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng về tố tụng: chưa thu thập đầy đủ chứng cứ về nguồn gốc đất tranh chấp mà chỉ căn cứ vào sổ mục kê được lập năm 1997 để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không đúng quy định tại Điều 18 của Nghị định 43/2014/NĐ-CP; không tiến hành làm thủ tục thụ lý yêu cầu phản tố của bị đơn ông Võ Tấn D nhưng lại đưa vào giải quyết trong vụ án.

Đề nghị căn cứ khoản 3 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, hủy toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 28/2021/DS-ST ngày 19/10/2021 của Tòa án nhân dân huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận. Giao hồ sơ về cho Tòa án nhân dân huyện Ninh Phước giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Quyết định kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Phước; Đơn kháng cáo của nguyên đơn ông Võ Tấn T1, bị đơn ông Võ Tấn D, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Bạch T, đơn kháng cáo của bị đơn ông Võ Tấn A, làm trong thời hạn luật định nên được xem xét, giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[1.2] Các đương sự vắng mặt đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án.

[2] Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy: Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là: “*Tranh chấp quyền sử dụng đất; Đòi lại tài sản do chiếm hữu, sử dụng tài sản, được lợi về tài sản không có căn cứ pháp luật*” là chưa chính xác chỉ cần xác định quan hệ pháp luật là “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*” là phù hợp.

[3] Về nội dung:

[3.1] Nguyên đơn trình bày về nguồn gốc đất tranh chấp: hộ gia đình của nguyên đơn được hợp tác xã giao khoán 02 thửa đất số 01, 02 tờ bản đồ số 13d xã Phước Thuận năm 1989. Vào năm 2006 nguyên đơn đã hoán đổi thửa đất số 02 cho mẹ là bà Trần Thị M. Năm 1992 nguyên đơn có xây dựng căn nhà trên thửa đất số 01, năm 1999 căn nhà bị sập nên gia đình chuyển lên rẫy ở sau đó nguyên đơn đi làm ăn xa nhưng vẫn quản lý sử dụng. Trong sổ mục kê năm 1997 quy chủ thửa số 01, tờ bản đồ số 13d cho nguyên đơn. Ngoài ra, gia đình nguyên đơn được Hợp tác xã giao khoán đất ruộng hơn hai ngàn mét vuông nhưng đã bán cho người khác.

[3.2] Các bị đơn ông Võ Tấn A, ông Võ Tấn D trình bày: nguồn gốc thửa đất số 01 mà ông T đang khởi kiện nằm trong phần diện tích 1.800 m² của cha mẹ các ông mua của ông Lê Văn C trước năm 1975, là đất trồng cây hàng năm, không phải là đất ông T được HTX Phước Khánh giao khoán như lời trình bày của ông T1. Cụ Trần Thị M là mẹ của các ông đã phân chia diện tích 1.800m² trong đó có thửa số 01 tờ bản đồ số 13d, diện tích 310 m² cho ông A, ông D, ông T1 và các ông đã quản lý, sử dụng từ năm 2000 theo ranh giới như hiện nay. Phần đất đang tranh chấp do các ông đang quản lý. Vào năm 2011, nhà nước có thu hồi một phần diện tích của thửa đất số 01, tờ bản đồ 13d xã Phước Thuận để nâng cấp đường 708 và có bồi thường cho các ông và năm 2014 ông D có trồng cây, xây dựng công trình trên đất tranh chấp nhưng ông T1 không có ý kiến.

[3.3] Lời trình bày của các bị đơn phù hợp với lời trình bày của các bà Võ Thị B, Võ Thị L1, Võ Thị L2, Võ Thị L3 tại biên bản hòa giải ngày 16/10/2019 của xã Phước Thuận: *Nguồn gốc đất là của cha mẹ, lúc còn sống đã cho mỗi đứa một phần: hướng tây cho ông T1, hướng đông cho em D, ở giữa cho em A* (BL 112).

[3.4] Trong hồ sơ vụ án, cấp sơ thẩm đã chưa làm rõ những chứng cứ sau: lời khai của nguyên đơn cho rằng thửa đất số 01, tờ bản đồ số 13d là đất nhận khoán từ năm 1989 (Công văn của xã Phước Thuận trả lời là do hộ cung cấp thông tin) (BL219) nhưng nguyên đơn lại thừa nhận trên thửa đất có căn nhà từ đường của cha mẹ làm từ năm 1982? Thửa số 01 là loại đất gì? Hợp tác xã có thẩm quyền giao khoán đất thổ cư không? Chưa xác minh thời điểm nguyên đơn có tên trong sổ mục kê của xã là năm nào? Nguyên đơn đi đăng ký hay xã tự ghi tên nguyên đơn trong sổ mục kê? Nguyên đơn có quản lý sử dụng đất tranh chấp liên tục không? Đất của nguyên đơn thì tại sao nguyên đơn lại ký vào biên bản hợp gia đình có nội dung đồng ý cho con trai của nguyên đơn là Võ Tấn T2 01 lô đất: *Bắc giáp gò mả, chiều ngang 6m50 Nam giáp quốc lộ, Đông giáp chú D, Tây giáp chú A* (BL 133)?

Phản nhận định của bản án sơ thẩm [6]: *Xét trình bày của nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phía nguyên đơn: Hộ ông T1 có 06 nhân khẩu năm 1989 Hợp tác xã Phước Khánh giao khoán thửa đất thuộc thửa 01, tờ bản đồ số 13d, diện tích 310m² quy chủ tên ông 1T. Nhưng theo hồ sơ thể hiện ông T1 có 02 người con sinh sau năm 1989: Võ Tấn T3 sinh 1992, Võ Nguyễn Hồng T sinh năm 1998 và tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn trình bày vào năm 1989 hộ nguyên đơn chỉ có 04 nhân khẩu. Việc Tòa án chỉ căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn mà không xem xét đến các chứng cứ khác để chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là phiến diện.*

[3.5] Trong giai đoạn sơ thẩm trước khi Tòa án đưa vụ án ra hòa giải và công khai chứng cứ, ông Võ Tấn D có yêu cầu phản tố: *Yêu cầu chia thừa kế di sản của*

cha mẹ để lại gồm: Thửa đất số 01, tờ bản đồ số 13c diện tích 325m²; Thửa đất số 33 tờ bản đồ số 13a, diện tích 304m²; Thửa đất số 34, tờ bản đồ số 13a diện tích 260m² hiện ông T đang quản lý và yêu cầu phản tố của ông D là để khấu trừ một phần nghĩa vụ có liên quan đến vụ án (BL 51 -52). Tòa án cấp sơ thẩm không tiến hành thủ tục thụ lý yêu cầu phản tố của ông D nhưng lại đưa vào giải quyết và không chấp nhận yêu cầu phản tố là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng quy định tại Điều 200 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3.6] Tại giai đoạn phúc thẩm, Tòa án đã thu thập được những chứng cứ như sau:

- Tại biên bản lấy lời khai ngày 14/12/2022, các bà Võ Thị B, Võ Thị L1, Võ Thị L2, Võ Thị L3 là con của cụ Trần Thị M đều thống nhất trình bày: diện tích đất đang tranh chấp có nguồn gốc là do mẹ của các bà là Trần Thị M nhận chuyển nhượng từ ông Lê Văn C. Trước khi chết mẹ của các bà đã phân chia cho 03 người con trai là Võ Tấn T, Võ Tấn D, Võ Tấn A theo như hiện trạng, đã có ranh giới rõ ràng (BL 230 - 231).

- Tại biên bản xác minh ngày 19/4/2023 ông Phụng Đ nguyên là Phó chủ nhiệm tổng hợp của HTX Phước Khánh cho biết: Nguồn gốc khu đất nhà bà Trần Thị M: gồm các thửa đất 01,02 tbđ số 13d; 33,34,177 tbđ 13a và thửa 01 tbđ 13c là do bà M nhận chuyển nhượng của người dân địa phương và sử dụng ổn định. Sau giải phóng có vào HTX để quản lý và xã viên trực tiếp canh tác. Đến năm 1998 thì HTX giải thể giao về cho hộ bà M tiếp tục quản lý sử dụng và hộ bà M tự phân chia trong gia đình (BL 268).

- Ông Võ Tấn A cung cấp được bản di chúc phô tô của cụ M về việc phân chia đất (BL 269 - 270)

Những sai sót của cấp sơ thẩm nêu trên vừa vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, vừa chưa đánh giá đầy đủ, toàn diện các tài liệu, chứng cứ đã thu thập trong hồ sơ nhưng cấp sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chưa có cơ sở vững chắc.

[3.7] Về nội dung kháng nghị và yêu cầu kháng cáo:

Xét Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 02/2021/QĐKNPT-VKS-DS ngày 27/10/2021 của Tòa án nhân dân huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận: Đề nghị hủy bản án dân sự sơ thẩm số 28/2021/DS-ST ngày 19/10/2021 của Tòa án nhân dân huyện Ninh Phước với lý do: cấp sơ thẩm không tạm dừng phiên tòa để lấy lời khai các bà Võ Thị B, Võ Thị L1, Võ Thị L2, Võ Thị L3 vào tham gia với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan để làm rõ việc có hay không việc bà Trần Thị M và ông Võ Tấn T1 hoán đổi thửa đất số 01 tờ bản đồ 13d là không cần thiết.

Như đã phân tích, xét thấy án sơ thẩm có vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố

tụng, không xác minh thu thập chứng cứ, không tiến hành thụ lý thủ tục phản tố mà đã bác yêu cầu phản tố của bị đơn. Vi phạm này ảnh hưởng đến quyền lợi của bị đơn. Kháng nghị đề nghị hủy án sơ thẩm là có căn cứ.

Do Hội đồng xét xử thống nhất hủy toàn bộ bản án sơ thẩm, giao hồ sơ về cho cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục chung nên phần kháng cáo của ông Võ Văn T1 không được xem xét.

[4] Từ những phân tích, đa giá chứng cứ như trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm: chấp nhận một phần kháng nghị, chấp nhận kháng cáo của ông Võ Tấn A, ông Võ Tấn D, bà Trần Thị Bạch T: Hủy toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 28/2021/DS-ST ngày 19 tháng 10 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Ninh Phước. Giao hồ sơ về cho Tòa án nhân dân huyện Ninh Phước giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

** Về chi phí định giá và án phí dân sự sơ thẩm* được xác định lại khi Tòa án giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

** Án phí dân sự phúc thẩm:*

Do hủy bản án sơ thẩm nên ông Võ Tấn T1, ông Võ Tấn D, ông Võ Tấn A, bà Trần Thị Bạch T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Hoàn lại tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm cho các đương sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308, khoản 1 Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự;

Nghị quyết 326/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí của Tòa án

Chấp nhận một phần kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Phước.

Hủy toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 28/2021/DS-ST ngày 19 tháng 10 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Ninh Phước.

Giao hồ sơ về cho Tòa án nhân dân huyện Ninh Phước giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

** Về chi phí định giá và án phí dân sự sơ thẩm* được xác định lại khi Tòa án giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

** Về án phí dân sự phúc thẩm:*

Các đương sự không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Hoàn trả cho ông Võ Tấn D 300.000 (*Ba trăm ngàn*) đồng tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0000385 ngày 02/11/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Ninh Phước do ông Võ Tấn D đã nộp.

Hoàn trả cho ông Võ Tấn T1 300.000 (*Ba trăm ngàn*) đồng tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0000386 ngày 02/11/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Ninh Phước do ông Thái Tùng An nộp thay.

Hoàn trả cho bà Trần Thị Bạch T 300.000 (*Ba trăm ngàn*) đồng tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0000380 ngày 30/11/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Ninh Phước do bà T đã nộp.

Hoàn trả cho ông Võ Tấn A 300.000 (*Ba trăm ngàn*) đồng tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0000384 ngày 02/11/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Ninh Phước do ông Võ Tấn A đã nộp.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự; người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Dương sự (9);
- VKSND tỉnh Ninh Thuận (1);
- TAND huyện Ninh Phước(1);
- Chi cục THADS huyện Ninh Phước(1);
- Phòng KTNV&THA (1);
- Lưu hồ sơ, án văn, HC-TP (3).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Thị Trang